



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 7 tháng 8 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Lương Thanh Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Teo Hong Keng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn
	- Nguyễn Chí Thanh
Ông Hoàng Đạo Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Trưởng ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ngo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 4 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00257-20-3



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2020

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		15.490.812.966.630	11.527.825.623.390
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.341.350.753.751	2.540.016.444.290
Tiền	111		56.350.753.751	85.016.444.290
Các khoản tương đương tiền	112		2.285.000.000.000	2.455.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.783.000.000.000	7.143.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	11.783.000.000.000	7.143.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		775.262.434.498	1.352.954.918.810
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	278.521.975.504	859.788.447.512
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.963.987.250	31.576.528.053
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	816.888.466.000	502.377.730.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9(a)	(328.111.994.256)	(40.787.786.892)
Hàng tồn kho	140	10(a)	513.934.797.433	441.938.225.352
Hàng tồn kho	141		548.140.994.422	488.654.385.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.206.196.989)	(46.716.160.368)
Tài sản ngắn hạn khác	150		77.264.980.948	49.916.034.938
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	66.757.215.606	49.915.822.214
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.507.552.618	-
Thuế phải thu Nhà nước	153		212.724	212.724

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.848.217.722.487	5.932.482.742.257
Các khoản phải thu dài hạn	210		322.008.298.914	321.018.071.414
Phải thu về cho vay dài hạn	215		4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	350.942.609.719	349.886.951.319
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9(b)	(32.934.310.805)	(32.868.879.905)
Tài sản cố định	220		1.413.215.018.102	1.626.479.824.180
Tài sản cố định hữu hình	221	12	544.185.439.401	749.264.192.839
<i>Nguyên giá</i>	222		3.412.801.031.561	3.454.267.214.398
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.868.615.592.160)	(2.705.003.021.559)
Tài sản cố định vô hình	227	13	869.029.578.701	877.215.631.341
<i>Nguyên giá</i>	228		992.771.603.824	992.475.603.824
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(123.742.025.123)	(115.259.972.483)
Bất động sản đầu tư	230	14	3.569.605.132	3.962.026.116
<i>Nguyên giá</i>	231		7.859.289.977	7.859.289.977
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(4.289.684.845)	(3.897.263.861)
Tài sản dở dang dài hạn	240		183.331.947.357	101.997.344.337
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	183.331.947.357	101.997.344.337
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.693.422.463.811	3.662.586.585.828
Đầu tư vào các công ty con	251		2.837.212.995.029	2.731.387.995.029
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252		613.705.350.635	633.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		785.951.682.407	808.576.870.344
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(564.316.444.165)	(531.952.510.085)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.868.879.905	20.868.879.905
Tài sản dài hạn khác	260		232.670.389.171	216.438.890.382
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	81.391.056.573	82.269.846.366
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	132.105.079.939	101.294.504.779
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	19.174.252.659	32.874.539.237
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.339.030.689.117	17.460.308.365.647

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.795.124.628.954	4.353.797.152.149
Nợ ngắn hạn	310		4.566.917.970.942	4.118.949.860.019
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.022.301.483.709	2.370.788.454.823
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.613.217.926	239.402.546
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	216.566.818.802	490.139.152.871
Phải trả người lao động	314		162.718.850.131	114.397.611.496
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	179.411.708.217	186.052.510.853
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	879.882.770.247	883.626.808.228
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	99.423.121.910	73.705.919.202
Nợ dài hạn	330		228.206.658.012	234.847.292.130
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	51.602.316.000	51.602.316.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	92.606.211.882	99.246.846.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		83.998.130.130	83.998.130.130
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		16.543.906.060.163	13.106.511.213.498
Vốn chủ sở hữu	410	23	16.543.906.060.163	13.106.511.213.498
Vốn cổ phần	411	24	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.370.274.398.123	5.932.879.551.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.958.755.506.355	4.909.158.361.575
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.411.518.891.768	1.023.721.189.883
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		21.339.030.689.117	17.460.308.365.647

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	39.830.365.078.035	36.861.469.032.546
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	1.829.235.021	31.672.266.679
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	39.828.535.843.014	36.829.796.765.867
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	35.043.871.013.642	32.627.544.258.893
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		4.784.664.829.372	4.202.252.506.974
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	2.970.222.411.575	1.747.790.837.952
Chi phí tài chính	22	31	42.138.560.703	123.171.219.786
Chi phí bán hàng	25	32	1.875.597.765.722	1.426.024.833.322
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	594.830.088.986	418.418.135.868
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.242.320.825.536	3.982.429.155.950
Thu nhập khác	31		6.594.368.183	4.033.336.353
Chi phí khác	32		14.221.150.890	7.566.942.469
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(7.626.782.707)	(3.533.606.116)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.234.694.042.829	3.978.895.549.834
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	717.303.217.858	630.858.736.453
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(30.810.575.160)	(66.364.907.398)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.548.201.400.131	3.414.401.720.779

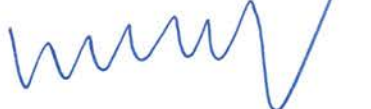
Ngày 8 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2019	2018
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		5.234.694.042.829	3.978.895.549.834
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		238.030.970.711	246.045.034.923
Các khoản dự phòng	03		342.159.024.324	233.870.384.777
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.032.184.727	(34.569.290)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.941.727.163.726)	(1.746.153.461.982)
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	29.737.976.707
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.874.189.058.865	2.742.360.914.969
Biến động các khoản phải thu	09		573.258.580.818	470.302.277.271
Biến động hàng tồn kho	10		(71.297.614.236)	(121.785.266.517)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		436.508.498.783	402.135.192.936
Biến động chi phí trả trước	12		(15.962.603.599)	(45.243.691.188)
			3.796.695.920.631	3.447.769.427.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(774.647.952.285)	(706.977.980.688)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(72.591.247.041)	(129.682.908.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.949.456.721.305	2.611.108.538.050

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(71.847.744.928)	(103.130.623.894)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.958.000.000	-
Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn	23	(13.543.000.000.000)	(10.283.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	8.903.000.000.000	9.514.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(85.825.000.000)	(3.319.160.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	28.339.826.544
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	2.609.906.587.086	2.074.797.151.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.185.808.157.842)	1.227.687.194.024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(962.141.892.775)	(3.681.063.074.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(962.141.892.775)	(3.681.063.074.450)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(198.493.329.312)	157.732.657.624
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.540.016.444.290	2.382.294.145.898
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(172.361.227)	(10.359.232)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.341.350.753.751	2.540.016.444.290

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, là hai nhà máy hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2019: 24 công ty con sở hữu trực tiếp và 14 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp) như được trình bày ở Thuyết minh 6(b).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	31/12/2019		1/1/2019	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	51%	100%	51%	100%
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Đường Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26%	26%	26%	26%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	10,2%	20%	10,2%	20%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,8%	22,18%	21,8%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	27,62%	34,92%	27,62%	34,92%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 790 nhân viên (1/1/2019: 807 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 5 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Trong năm, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 28 và Thuyết minh 29 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, trong những năm trước, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Kể từ năm 2019, bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Doanh thu thuần	39.678.180.839.612	150.355.003.402	39.828.535.843.014
Giá vốn hàng bán	(34.920.972.731.162)	(122.898.282.480)	(35.043.871.013.642)
	4.757.208.108.450	27.456.720.922	4.784.664.829.372

Tài sản của Tổng Công ty đều nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	130.092.303	5.344.081
Tiền gửi ngân hàng	56.220.661.448	85.011.100.209
Các khoản tương đương tiền (*)	2.285.000.000.000	2.455.000.000.000
	2.341.350.753.751	2.540.016.444.290

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,0% một năm (1/1/2019: 5,5% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,6% đến 7,8% một năm (1/1/2019: từ 5,8% đến 7,2% một năm).

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Toàn bộ khoản đầu tư này đã được lập dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2019			1/1/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.837.212.995.029	(119.748.247.313)	2.717.464.747.716	2.731.387.995.029	(131.681.560.318)	2.599.706.434.711
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	613.705.350.635	(108.857.170.530)	504.848.180.105	633.705.350.635	(36.558.104.041)	597.147.246.594
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	785.951.682.407	(335.711.026.322)	450.240.656.085	808.576.870.344	(363.712.845.726)	444.864.024.618
	4.236.870.028.071	(564.316.444.165)	3.672.553.583.906	4.173.670.216.008	(531.952.510.085)	3.641.717.705.923
	4.236.870.028.071	(564.316.444.165)	3.672.553.583.906	4.173.670.216.008	(531.952.510.085)	3.641.717.705.923

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	31/12/2019				1/1/2019			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51%	100.424.933.209	367.243.095.000	-	51%	100.424.933.209	360.876.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	144.691.250.000	(91.476.150.000)	62,06%	236.167.400.000	117.331.450.000	(118.835.950.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	830.393.700.000	-	66,56%	299.548.230.160	643.925.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	54.565.275.000	-	51,24%	17.650.697.182	59.176.425.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	52.148.278.000	(24.176.590.844)	54,73%	76.324.868.844	83.331.500.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	416.927.450.000	-	68,78%	314.250.000.000	405.445.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	225.120.000.000	-	52,11%	93.800.000.000	300.160.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	94,72%	37.422.345.046	(*)	-	94,72%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,42%	83.141.000.000	(*)	-	94,41%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	-	91,24%	54.546.288.176	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90%	36.541.448.653	(*)	-	90%	36.541.448.653	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2019				1/1/2019			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90%	36.265.364.767	(*)	-	90%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90%	36.798.955.472	(*)	-	90%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	(4.095.506.469)	76,81%	55.174.824.506	(*)	(12.845.610.318)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (**)	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	-	-	-	-
		2.837.212.995.029		(119.748.247.313)		2.731.387.995.029		(131.681.560.318)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.731.387.995.029	2.728.068.835.029
Tăng đầu tư trong năm bằng tiền	85.825.000.000	3.319.160.000
Chuyển từ đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	20.000.000.000	-
	2.837.212.995.029	2.731.387.995.029
Số dư cuối năm	2.837.212.995.029	2.731.387.995.029

(**) Vào ngày 1 tháng 10 năm 2019 và 29 tháng 10 năm 2019, Tổng Công ty đã lần lượt mua thêm 31,99% và 0,92% cổ phần của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (“Sài Gòn Lâm Đồng”) với số tiền lần lượt là 82.000 triệu VND và 3.825 triệu VND, nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Sài Gòn Lâm Đồng từ 20% lên 52,91%, do đó nắm quyền kiểm soát đối với Sài Gòn Lâm Đồng. Các hoạt động chính của Sài Gòn Lâm Đồng là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	31/12/2019				1/1/2019			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)	28,35%	4.725.000.000	(*)	(1.139.381.235)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26%	26.000.000.000	(*)	-	26%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	82.867.222.500	-	27,03%	33.787.500.000	60.817.500.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	378.924.102.200	-	32,22%	103.174.711.495	311.602.561.200	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29%	72.500.000.000	(*)	(1.207.209.980)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20%	30.000.000.000	(*)	-	20%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20%	23.000.000.000	(*)	-	20%	23.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25%	43.111.007.200	(*)	-	25%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30%	113.224.326.586	(*)	-	30%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30%	86.338.395.824	(*)	-	30%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35%	26.212.239.000	(*)	-	35%	26.212.239.000	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2019				1/1/2019			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45%	31.632.170.530	(*)	(31.632.170.530)	45%	31.632.170.530	(*)	(31.632.170.530)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20%	20.000.000.000	(*)	-	20%	20.000.000.000	(*)	(2.579.342.296)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (**)	-	-	-	-	20%	20.000.000.000	(*)	-
		613.705.350.635		(108.857.170.530)		633.705.350.635		(36.558.104.041)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	633.705.350.635	687.084.845.720
Chuyển sang đầu tư vào các công ty con	(20.000.000.000)	-
Chuyển sang tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	(53.379.495.085)
Số dư cuối năm	613.705.350.635	633.705.350.635

(**) Xem thuyết minh (**) ở trang 26.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2019			1/1/2019			
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	2,03%	216.579.320.000	234.115.429.133	-	2,03%	216.579.320.000	181.443.866.133	(35.135.453.867)
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	0,95%	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	0,95%	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (trước đây là “Công ty Cổ phần Bao Bì Sabeco Sông Lam”)	8,2%	46.000.000.000	(*)	-	8,2%	46.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần PVI	0,21%	51.475.140.000	14.953.831.200	(36.521.308.800)	0,21%	51.475.140.000	15.730.653.600	(35.744.486.400)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngầm	4,91%	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	4,91%	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,8%	30.700.950.000	7.056.000.000	(30.700.950.000)	9,8%	30.700.950.000	8.232.000.000	(22.468.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	10%	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	10%	51.107.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	13,54%	26.588.267.394	(*)	-	13,54%	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	14,41%	19.690.000.000	(*)	-	14,41%	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	16,42%	126.429.237.491	(*)	-	16,42%	126.429.237.491	(*)	-
▪ Quỹ đầu tư Việt Nam	-	-	-	-	7,97%	7.275.187.937	(*)	(7.275.187.937)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2019				1/1/2019			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	7,2%	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	7,2%	45.000.000.000	(*)	(39.600.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu Tư Sabeco HP	8%	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	8%	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	10,38%	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	10,38%	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
		785.951.682.407		(335.711.026.322)		808.576.870.344		(363.712.845.726)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	808.576.870.344	783.539.401.803
Chuyển từ đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	-	53.379.495.085
Giảm thông qua cần trừ với khoản phải trả khác	(15.350.000.000)	-
Xóa sổ trong năm	(7.275.187.937)	-
Thoái vốn	-	(28.342.026.544)
Số dư cuối năm	785.951.682.407	808.576.870.344

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	531.952.510.085	409.487.304.565
Dự phòng trích lập trong năm	113.463.822.029	130.659.486.041
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(73.824.700.012)	(8.194.280.521)
Dự phòng sử dụng trong năm	(7.275.187.937)	-
Số dư cuối năm	564.316.444.165	531.952.510.085

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	110.147.479.750	595.118.607.501
Các khách hàng khác	168.374.495.754	264.669.840.011
	278.521.975.504	859.788.447.512

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	110.147.479.750	595.118.607.501
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	15.758.874.428	11.369.131.887
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	13.838.537.106	9.912.502.699
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	13.120.538.774	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	6.819.807.138	11.747.280.002
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	5.453.717.282	7.597.002.247
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	5.436.154.202	5.356.282.534
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	2.081.860.783	1.937.036.053
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	1.996.436.033	2.294.466.081
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	2.840.306.460
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	-	40.809.032

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (tiếp theo)

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	25.177.567.972	26.202.728.309
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	10.112.131.104	63.613.089.846
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	9.474.647.771	13.012.071.973
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	8.273.322.123	7.817.994.934
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	7.636.502.161	7.688.071.008
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	7.622.147.366	22.682.166.416
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	6.307.906.113	12.730.293.185
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	5.464.742.048	15.077.209.933
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	1.295.023.699

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu tiền lãi từ cho vay, tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	303.797.011.694	144.699.293.867
Phải thu về cổ tức	195.943.020.644	41.208.088.679
Phải thu ngắn hạn khác	39.917.700.119	39.239.614.048
	816.888.466.000	502.377.730.137

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	139.368.231.654	351.086.615
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	7.974.218.490	3.760.528.679
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	2.298.800.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	29.700.000	29.700.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	9.225.945	9.242.328
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	4.744.400	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	15.135.816.682
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	3.422.834.000
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	33.660.770.500	19.234.726.000
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.141.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	4.500.000.000	37.530.955
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	83.916.000	83.916.000

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	14.840.342.501	13.784.684.101
Phải thu dài hạn khác	8.028.765.000	8.028.765.000
	350.942.609.719	349.886.951.319

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	Số ngày quá hạn	31/12/2019			Số ngày quá hạn	1/1/2019		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Trên 2 năm	194.071.317	(194.071.317)	-	Trên 2 năm	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Trên 2 năm	5.732.607.752	(5.732.607.752)	-	Trên 2 năm	141.522.563	(141.522.563)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 2 năm	322.185.315.187	(322.185.315.187)	-	Trên 2 năm	40.646.264.329	(40.646.264.329)	-
		<u>328.111.994.256</u>	<u>(328.111.994.256)</u>	<u>-</u>		<u>40.787.786.892</u>	<u>(40.787.786.892)</u>	<u>-</u>

(b) Dài hạn

	Số ngày quá hạn	31/12/2019			Số ngày quá hạn	1/1/2019		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	Trên 2 năm	8.065.430.900	(8.065.430.900)	-	Trên 2 năm	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-
		<u>32.934.310.805</u>	<u>(32.934.310.805)</u>	<u>-</u>		<u>32.868.879.905</u>	<u>(32.868.879.905)</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	73.656.666.797	73.656.666.797
Dự phòng trích lập trong năm	287.389.638.264	-
	361.046.305.061	73.656.666.797
Số dư cuối năm	361.046.305.061	73.656.666.797

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	205.937.696.242	-	102.013.596.138	-
Nguyên vật liệu	189.126.200.142	(12.887.016.938)	223.457.242.655	(7.830.441.006)
Công cụ và dụng cụ	26.329.977.948	(21.319.180.051)	24.572.815.678	(22.147.179.073)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	86.779.620.474	-	85.866.092.406	-
Thành phẩm	37.535.346.836	-	36.016.222.523	(10.123.969)
Hàng hóa	2.432.152.780	-	16.728.416.320	(16.728.416.320)
	548.140.994.422	(34.206.196.989)	488.654.385.720	(46.716.160.368)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 34.206 triệu VND (1/1/2019: 46.716 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	46.716.160.368	26.326.459.383
Dự phòng trích lập trong năm	9.098.355.845	35.499.512.163
Chuyển từ dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	4.799.053	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(5.012.594.487)	(399.545.122)
Dự phòng sử dụng trong năm	(16.600.523.790)	(14.710.266.056)
	34.206.196.989	46.716.160.368

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	41.360.707.025	(22.186.454.366)	46.150.225.281	(13.275.686.044)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.275.686.044	12.153.924.286
Dự phòng trích lập trong năm	11.490.941.106	1.297.433.502
Chuyển sang dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.799.053)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.575.373.731)	(175.671.744)
	22.186.454.366	13.275.686.044

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	56.306.151.145	40.229.620.142
Công cụ và dụng cụ	9.321.970.500	7.333.770.545
Chi phí trả trước khác	1.129.093.961	2.352.431.527
	66.757.215.606	49.915.822.214

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tài sản chờ góp	Bao bì	Công cụ và	
	vốn đầu tư (*)	luân chuyển	dụng cụ và	Tổng
	VND	VND	các chi phí khác	VND
			VND	VND
Số dư đầu năm	51.602.316.000	23.169.336.516	7.498.193.850	82.269.846.366
Tăng trong năm	-	13.653.667.393	9.491.091.524	23.144.758.917
Phân bổ trong năm	-	(18.987.714.275)	(5.035.834.435)	(24.023.548.710)
	51.602.316.000	17.835.289.634	11.953.450.939	81.391.056.573

(*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 20(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	578.837.789.881	2.721.622.534.658	56.983.995.633	96.822.894.226	3.454.267.214.398
Tăng trong năm	-	9.680.608.805	-	6.647.317.616	16.327.926.421
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.746.756.593	675.350.333	1.327.710.302	-	7.749.817.228
Thanh lý	-	(63.606.926.486)	-	-	(63.606.926.486)
Xóa sổ	(1.937.000.000)	-	-	-	(1.937.000.000)
Số dư cuối năm	582.647.546.474	2.668.371.567.310	58.311.705.935	103.470.211.842	3.412.801.031.561
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	382.343.741.709	2.208.426.802.801	44.299.433.653	69.933.043.396	2.705.003.021.559
Khấu hao trong năm	32.939.930.419	183.194.182.682	3.498.885.457	9.523.498.529	229.156.497.087
Thanh lý	-	(63.606.926.486)	-	-	(63.606.926.486)
Xóa sổ	(1.937.000.000)	-	-	-	(1.937.000.000)
Số dư cuối năm	413.346.672.128	2.328.014.058.997	47.798.319.110	79.456.541.925	2.868.615.592.160
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	196.494.048.172	513.195.731.857	12.684.561.980	26.889.850.830	749.264.192.839
Số dư cuối năm	169.300.874.346	340.357.508.313	10.513.386.825	24.013.669.917	544.185.439.401

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 1.675.397 triệu VND (1/1/2019: 705.550 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 55.818 triệu VND (1/1/2019: 119.454 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Tổng Công ty cho các công ty con và công ty liên kết thuê có thu phí là 86.394 triệu VND (1/1/2019: 86.394 triệu VND).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	929.359.796.577	63.115.807.247	992.475.603.824
Tăng trong năm	-	296.000.000	296.000.000
Số dư cuối năm	929.359.796.577	63.411.807.247	992.771.603.824
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	56.750.071.392	58.509.901.091	115.259.972.483
Khấu hao trong năm	4.623.371.664	3.858.680.976	8.482.052.640
Số dư cuối năm	61.373.443.056	62.368.582.067	123.742.025.123
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	872.609.725.185	4.605.906.156	877.215.631.341
Số dư cuối năm	867.986.353.521	1.043.225.180	869.029.578.701

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 60.512 triệu VND (1/1/2019: 52.244 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 20(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các khu đất này cho mục đích sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời, Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tổng Công ty cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuế sử dụng đất với số tiền là 26.967 triệu VND (2018: 23.043 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.859.289.977
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.897.263.861
Khấu hao trong năm	392.420.984
Số dư cuối năm	4.289.684.845
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.962.026.116
Số dư cuối năm	3.569.605.132

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	101.997.344.337	61.211.627.837
Tăng trong năm	94.833.178.785	48.358.478.582
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.749.817.228)	(7.139.962.082)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(432.800.000)
Xóa sổ	(5.748.758.537)	-
Số dư cuối năm	183.331.947.357	101.997.344.337

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	88.942.805.924	88.817.343.236
Hệ thống lọc bia	78.259.723.681	824.581.182
Các công trình khác	16.129.417.752	12.355.419.919
	183.331.947.357	101.997.344.337

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	63.175.917.370	52.984.561.077
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	53.314.539.688	34.007.262.753
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11.278.530.270	11.998.369.282
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	4.336.092.611	2.304.311.667
	132.105.079.939	101.294.504.779

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hanacans	254.780.485.076	77.109.556.718
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	226.245.964.160	217.001.205.735
Các nhà cung cấp khác	2.541.275.034.473	2.076.677.692.370
	<hr/>	<hr/>
	3.022.301.483.709	2.370.788.454.823

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	129.950.035.850	28.563.399.700
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	105.687.151.380	39.776.536.181
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	98.889.546.649	37.813.972.006
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	88.288.744.524	60.211.555.443
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	63.098.950.611	29.637.985.845
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	52.125.690.926	13.522.311.831
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	51.600.146.861	21.767.189.034
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	49.937.561.300	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	43.898.391.736	25.633.011.879
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	43.179.760.397	13.675.794.719
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	38.472.061.058	18.735.326.224
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	38.383.956.600	27.041.488.482
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	37.502.899.391	58.559.536.728
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	27.728.275.300	26.252.241.400
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	23.581.439.310	18.835.210.240
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	23.160.534.650	39.585.975.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	13.493.271.489	18.372.124.012
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	11.067.146.696	1.309.900.134
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	8.659.671.680	12.743.161.114
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	6.883.324.360	22.450.953.360
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	5.958.296.542	9.405.748.680
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	845.928.600	3.377.627.770
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	23.887.582	10.748.221.283

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	226.245.964.160	217.001.205.735
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	63.993.357.149	80.479.565.925
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	52.036.671.280	68.407.824.584
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	27.107.766.113	55.072.169.614
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	24.851.400.970	34.832.174.850
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	21.125.716.480	42.224.298.050
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	18.409.920.276	36.922.865.100
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	15.413.376.691	13.248.400.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	8.441.778.004	28.504.068.582
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	5.565.963.898	43.265.809.950
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	4.688.242.020	6.121.281.540
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	-	436.148.400
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	52.601.015.251	424.310.304

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	250.700.528.304	3.044.582.658.265	(3.211.015.239.705)	-	84.267.946.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp	172.138.569.138	717.303.217.858	(774.647.952.285)	-	114.793.834.711
Thuế giá trị gia tăng	42.795.381.517	5.219.764.677.571	(866.733.616.204)	(4.395.826.442.884)	-
Thuế thu nhập cá nhân	20.760.796.577	49.580.624.442	(55.639.760.727)	-	14.701.660.292
Thuế xuất nhập khẩu	-	17.199.593.411	(17.199.593.411)	-	-
Thuế đất	1.581.049.815	26.989.467.846	(26.989.467.846)	-	1.581.049.815
Thuế tài nguyên	103.637.520	1.089.911.920	(1.142.752.320)	-	50.797.120
Các loại thuế khác	2.059.190.000	17.129.870.537	(18.017.530.537)	-	1.171.530.000
	490.139.152.871	9.093.640.021.850	(4.971.385.913.035)	(4.395.826.442.884)	216.566.818.802

Trong năm 2018, Tổng Công ty nhận được Thông báo từ cơ quan thuế yêu cầu nộp tiền phạt thuế và lãi chậm nộp trên số thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh trong giai đoạn từ 2007 đến 2015 mà Tổng Công ty đã nộp trước đó. Tuy nhiên, quan điểm của Tổng Công ty luôn rõ ràng và nhất quán kể từ năm 2015 khi Kiểm toán Nhà nước ban hành kết luận kiểm toán: (i) Tổng Công ty không có bất kỳ hành vi sai phạm nào trong việc kê khai, tính và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, và (ii) Tổng Công ty đã luôn thực hiện đúng hướng dẫn bằng văn bản của Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế và Cục thuế TP. Hồ Chí Minh trong những năm qua về vấn đề này. Tổng Công ty đã gửi các công văn liên quan đến các cơ quan chức năng để giải quyết các vấn đề nêu trên và đang chờ phản hồi chính thức từ các cơ quan này.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	163.862.790.839	157.990.164.574
Chi phí phải trả khác	15.548.917.378	28.062.346.279
	179.411.708.217	186.052.510.853

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trả cho các công ty con	42.274.455.947	27.610.484.463
Cổ tức nhận ứng trước	-	21.949.556.892
Cổ tức phải trả	6.699.470.600	6.919.584.375
Phải trả ngắn hạn khác	95.528.971.000	91.767.309.798
	879.882.770.247	883.626.808.228

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	25.555.668.022	35.739.984.670
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa be co	8.995.213.962	7.397.933.618
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	8.988.336.717	6.422.123.067
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	163.171.380	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Các bên liên quan khác		
Super Brands Company Pte. Ltd.	6.246.344.005	-
Fraser and Neave, Limited	2.425.671.710	-
Fraser & Neave (Singapore) Pte. Limited	874.455.121	-

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 11(b))	51.602.316.000	51.602.316.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	73.705.919.202	97.012.813.080
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	96.217.582.274	114.397.723.138
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	9.856.905.653	25.689.699.033
Điều chuyển về các công ty con	(14.663.971.484)	(34.624.958.816)
Sử dụng trong năm	(65.693.313.735)	(128.769.357.233)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	99.423.121.910	73.705.919.202

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	99.246.846.000	24.966.447.042
Dự phòng trích lập trong năm	2.128.935.310	75.183.450.458
Dự phòng sử dụng trong năm	(8.769.569.428)	(903.051.500)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	92.606.211.882	99.246.846.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	6.412.811.860.000	760.819.802.040	4.935.934.888.700	12.109.566.550.740
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.414.401.720.779	3.414.401.720.779
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(2.244.484.151.000)	(2.244.484.151.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(114.397.723.138)	(114.397.723.138)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(25.689.699.033)	(25.689.699.033)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(31.798.656.758)	(31.798.656.758)
Trích bổ sung quỹ công tác xã hội	-	-	(1.086.828.092)	(1.086.828.092)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.412.811.860.000	760.819.802.040	5.932.879.551.458	13.106.511.213.498
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.548.201.400.131	4.548.201.400.131
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(96.217.582.274)	(96.217.582.274)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(9.856.905.653)	(9.856.905.653)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(40.464.926.089)	(40.464.926.089)
Trích bổ sung quỹ công tác xã hội	-	-	(2.345.360.450)	(2.345.360.450)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6.412.811.860.000	760.819.802.040	9.370.274.398.123	16.543.906.060.163

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 21 tháng 8 năm 2019 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 2.244.484 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	32.435.502.929	35.854.967.777
Từ hai đến năm năm	9.320.157.892	35.675.578.218
Sau năm năm	55.008.627.615	56.675.778.615
	96.764.288.436	128.206.324.610

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác

	Đơn vị	31/12/2019	1/1/2019
Nắp	cái	5.000.000	6.000.000
Vỏ chai	cái	3.421.939	2.061.139
Nhãn	bộ	3.073.600	12.006.780
Két nhựa	cái	78.075	78.350
Thùng	cái	13.645	9.020
Vỏ lon	cái	-	540.418
Bia lon	thùng	-	17.150
		-	-

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	410.276	9.479.842.801	63.717	1.475.059.894
EUR	4.723	121.650.281	9.585	253.348.341
		9.601.493.082		1.728.408.235

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	40.867.654.179	46.023.659.611

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019	2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	27.588.768.566.976	25.293.221.114.274
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	7.927.956.467.680	7.409.907.017.067
▪ Doanh thu bán thành phẩm	4.267.772.156.873	4.101.724.891.344
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	7.312.350.035.378	6.871.035.602.325
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(3.044.577.878.505)</i>	<i>(2.769.310.710.981)</i>
▪ Doanh thu khác	45.867.886.506	56.616.009.861
	39.830.365.078.035	36.861.469.032.546
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	1.829.235.021	31.672.266.679
Doanh thu thuần	39.828.535.843.014	36.829.796.765.867

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2019	2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	24.415.717.542.110	22.453.111.820.612
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	7.922.752.672.605	7.401.528.390.608
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.684.765.403.581	2.720.313.073.994
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	13.001.328.733	36.221.728.799
Giá vốn khác	7.634.066.613	16.369.244.880
	35.043.871.013.642	32.627.544.258.893

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	2.156.469.572.497	1.179.076.348.128
Thu nhập lãi tiền gửi	789.226.349.766	567.077.113.854
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.526.489.312	1.602.806.680
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	34.569.290
	2.970.222.411.575	1.747.790.837.952

31. Chi phí tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	39.639.122.017	122.465.205.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.467.253.959	706.014.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.032.184.727	-
	42.138.560.703	123.171.219.786

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	977.641.770.634	742.211.329.206
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	860.560.900.646	651.481.954.481
Chi phí nhân viên	26.659.144.423	25.499.576.992
Chi phí bán hàng khác	10.735.950.019	6.831.972.643
	1.875.597.765.722	1.426.024.833.322

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	154.294.628.728	166.281.889.284
Chi phí thuê	29.572.252.209	34.385.975.402
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.694.676.367	15.037.413.052
Các khoản dự phòng	289.518.573.574	75.183.450.458
Chi phí quản lý khác	106.749.958.108	127.529.407.672
	594.830.088.986	418.418.135.868

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.025.257.872.565	1.999.374.768.731
Chi phí nhân công và nhân viên	423.374.964.837	474.979.908.741
Chi phí khấu hao và phân bổ	235.200.671.180	246.045.034.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.259.079.798.514	1.781.025.811.273
Chi phí khác	320.132.762.643	107.518.765.374

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	688.292.216.750	630.858.736.453
Dự phòng thiếu trong những năm trước	29.011.001.108	-
	717.303.217.858	630.858.736.453
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(30.810.575.160)	(66.364.907.398)
	686.492.642.698	564.493.829.055

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.234.694.042.829	3.978.895.549.834
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	1.046.938.808.566	795.779.109.967
Thu nhập không bị tính thuế	(431.293.914.499)	(235.815.269.626)
Chi phí không được khấu trừ thuế	72.544.186.508	4.529.988.714
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong những năm trước	(30.707.438.985)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	29.011.001.108	-
	686.492.642.698	564.493.829.055

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	4.019.622.199	-
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Trả cổ tức	515.463.880.500	1.202.749.054.500
Các công ty con		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	136.206.021.503	122.484.557.537
Mua hàng hóa	697.635.872.340	655.258.565.942
Cổ tức đã nhận	14.790.000.000	59.160.000.000
Giao dịch khác	2.793.096	28.161.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	2.404.314.777	9.884.813.924
Chi phí vận chuyển	11.411.312	424.768.338
Giao dịch khác	66.298.617	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	602.764.035.874	596.444.782.743
Mua hàng hóa	1.838.548.089.630	1.733.473.077.490
Cổ tức đã nhận	65.890.000.000	59.900.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	308.000.000	574.764.000
Cổ tức đã nhận	6.422.834.000	6.740.549.003
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	144.608.861.827	145.072.265.023
Mua hàng hóa	391.882.036.880	378.459.526.780
Cổ tức đã nhận	4.611.150.000	4.611.150.000
Giao dịch khác	409.415.100	377.505.600
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	44.738.149.591	48.996.859.814
Mua hàng hóa	224.273.079.860	251.032.045.190
Cổ tức đã nhận	2.298.800.000	3.448.200.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	595.758.876.778	572.938.510.099
Mua hàng hóa	1.882.376.750.011	1.678.702.838.360
Cổ tức đã nhận	18.570.000.000	24.760.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	420.782.780.984	342.586.626.220
Mua hàng hóa	1.453.801.961.420	1.235.119.797.727
Cổ tức đã nhận	37.520.000.000	28.140.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	31.705.673.997.865	29.363.284.034.939
Bán nguyên vật liệu	-	13.821.858.220
Mua hàng hóa	34.038.367.560	64.980.169.970
Chi phí vận chuyển	2.216.638.364	-
Chi phí thuê pallet	1.389.803.103	-
Chi phí sử dụng vỏ chai	18.502.067.614	7.939.246.582
Phân phối lợi nhuận	911.528.095.361	265.301.332.351
Giao dịch khác	324.523.811	354.179.650
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	149.377.292.300	114.900.399.452
Chi phí vật phẩm quảng cáo	30.010.960.534	12.950.377.924
Mua hàng hóa	756.733.520	443.490.000
Cổ tức đã nhận	30.610.800.000	6.706.800.000
Giao dịch khác	24.390.000	37.099.120
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	62.293.053.842	60.675.035.450
Chi phí vật phẩm quảng cáo	11.929.551.827	7.282.779.900
Mua hàng hóa	173.353.790	114.075.000
Cổ tức đã nhận	25.164.554.554	3.456.808.912
Góp vốn	-	1.158.160.000
Giao dịch khác	29.653.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	171.037.338.908	138.294.032.117
Chi phí vật phẩm quảng cáo	24.697.608.328	20.469.045.124
Mua hàng hóa	3.905.257.920	7.596.330.944
Góp vốn	-	2.141.000.000
Cổ tức đã nhận	34.660.075.318	37.039.297.333

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	47.709.387.602	57.862.958.887
Chi phí vật phẩm quảng cáo	9.536.258.068	6.856.007.510
Mua hàng hóa	643.853.170	170.019.182
Cổ tức đã nhận	58.254.776.313	3.293.444.955
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	58.557.901.713	49.181.505.284
Chi phí vật phẩm quảng cáo	18.553.823.238	7.695.571.532
Mua hàng hóa	306.182.890	181.626.364
Cổ tức đã nhận	119.771.034.792	61.183.460.639
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	58.382.390.592	56.363.265.229
Chi phí vật phẩm quảng cáo	24.834.866.697	10.984.064.168
Mua hàng hóa	481.252.750	91.260.000
Cổ tức đã nhận	156.683.913.598	87.371.556.912
Giao dịch khác	396.000.000	396.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	128.052.841.707	113.041.557.167
Chi phí vật phẩm quảng cáo	23.401.726.358	14.867.461.983
Mua hàng hóa	544.660.400	119.340.000
Cổ tức đã nhận	133.899.300.000	47.888.903.700
Giao dịch khác	15.012.867	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	107.978.790.221	84.635.799.789
Chi phí vật phẩm quảng cáo	14.755.570.021	11.481.320.136
Mua hàng hóa	414.359.200	140.645.000
Cổ tức đã nhận	74.520.000.000	50.040.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	115.715.540.797	106.390.641.532
Chi phí vật phẩm quảng cáo	20.965.605.212	12.904.215.016
Mua hàng hóa	364.031.820	154.791.500
Cổ tức đã nhận	112.529.277.566	72.522.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ bảo trì	43.135.709.500	41.156.719.452
Mua công cụ và dụng cụ	12.075.849.030	95.097.604
Phân phối lợi nhuận	549.403.910	1.907.615.030

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	416.943.808.180	354.852.542.577
Mua hàng hóa	1.220.031.020.090	1.031.430.403.320
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	72.376.129.327	61.084.653.160
Chi phí vật phẩm quảng cáo	17.442.283.693	6.539.749.172
Mua hàng hóa	946.962.360	1.642.745.000
Cổ tức đã nhận	12.960.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	424.564.410.596	451.709.973.762
Mua hàng hóa	1.164.337.041.280	1.174.593.388.500
Phân phối lợi nhuận	59.662.025.022	47.223.467.913
Giao dịch khác	1.554.115.788	1.554.115.788
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu	171.526.018.300	138.009.196.400
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn		
Góp vốn	-	10.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Góp vốn	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	277.780.155.663	-
Mua hàng hóa	652.429.301.300	-
Mua cổ phiếu	85.825.000.000	20.000.000.000
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	352.635.879.929	459.397.935.443
Mua hàng hóa	996.093.158.503	1.194.945.732.340
Cổ tức đã nhận	3.900.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	460.060.128.263	457.942.814.837
Mua hàng hóa	1.533.445.164.889	1.556.291.736.740
Cổ tức đã nhận	4.600.000.000	5.750.000.000
Giao dịch khác	291.406.500	60.385.500

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	654.379.388.988	616.501.539.006
Mua hàng hóa	2.075.015.152.960	2.031.504.341.600
Cổ tức đã nhận	52.895.496.500	48.086.815.000
Giao dịch khác	39.564.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	370.842.387.187	360.371.075.673
Mua hàng hóa	1.010.778.351.359	961.848.772.950
Cổ tức đã nhận	11.825.625.000	13.515.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	424.537.200.953	404.745.579.037
Mua hàng hóa	1.362.256.018.286	1.340.883.769.030
Cổ tức đã nhận	12.000.000.000	13.500.000.000
Giao dịch khác	3.315.683.196	3.201.716.196
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	401.679.240.852	122.573.876.156
Mua hàng hóa	1.284.772.043.460	263.328.392.410
Giao dịch khác	458.041.500	41.989.500
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	708.773.863.110	754.701.887.650
Mua hàng hóa	2.147.536.544.211	2.340.230.045.160
Cổ tức đã nhận	14.372.300.000	21.872.300.000
Giao dịch khác	785.830.500	70.938.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua hàng hóa	1.748.166.273.974	1.681.194.672.305
Thu tiền bồi thường	-	89.902.963
Cổ tức đã nhận	127.608.707.612	147.299.384.587
Giao dịch khác	51.993.600	-
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua hàng hóa	137.151.811.628	152.069.704.000
Cổ tức đã nhận	8.141.000.000	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh		
Cổ tức đã nhận	29.213.424.951	27.423.437.596
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Trường Sa		
Mua nguyên vật liệu	2.527.349.800	14.069.178.480

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	351.313.660.552	270.532.045.101
Mua hàng hóa	1.054.689.760.320	863.363.755.460
Cổ tức đã nhận	3.745.950.000	9.220.800.000
Giao dịch khác	332.426.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	100.778.164.589	103.728.211.097
Mua hàng hóa	537.924.332.884	576.018.048.880
Giao dịch khác	-	567.122.700
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	475.900.079.788	385.736.640
Best Spirits Company Limited		
Bán hàng hóa và thành phẩm	228.111.930	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	1.174.540.305	484.561.155
Super Brands Company Pte. Ltd.		
Chi hệ Tổng Công ty	6.246.344.005	-
Fraser and Neave, Limited		
Chi hệ Tổng Công ty	2.425.671.710	-
Fraser & Neave (Singapore) Pte. Limited		
Chi hệ Tổng Công ty	874.455.121	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	27.345.596.469	18.890.169.245

37. Các sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

(i) Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán năm

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty đã công bố khoản cổ tức cho các cổ đông là 2.244.484 triệu VND (trương đương 3.500 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết ngày 21 tháng 1 năm 2020. Số cổ tức phải trả chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng này.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Ảnh hưởng của Vi rút Corona 2019

Sự bùng phát của Vi rút Corona 2019 (“COVID-19”) trên toàn cầu và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đến doanh số của Tổng Công ty tại Việt Nam, do các hoạt động kinh tế và tiêu dùng diễn ra chậm lại. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã chủ động ứng phó các tác động của COVID-19 bằng cách (i) chuẩn bị cho kế hoạch đảm bảo kinh doanh liên tục để tránh trường hợp kinh doanh bị gián đoạn; (ii) quản lý chi phí nhằm giảm thiểu tác động tài chính của COVID-19; và điều chỉnh chiến lược kinh doanh nếu dịch tiếp tục kéo dài.

38. Số liệu so sánh

Ngoài một số số liệu so sánh được phân loại lại như trình bày dưới đây cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính riêng của năm hiện tại, các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2019 VND (phân loại lại)	1/1/2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	502.377.730.137	479.285.849.478
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	23.091.880.659

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

